

Số: 473/BC-HĐND

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 9 năm 2020

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua các dự án “Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày 01/01/2019”

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc thông qua dự án “Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày 01/01/2019”; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh như sau:

#### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với các căn cứ pháp lý nêu trong dự thảo Nghị quyết mà UBND tỉnh trình tại Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 16/9/2020.

#### II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Luật Quy hoạch năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019; tại điểm c, khoản 1, Điều 59 quy định: “*Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này*” (là các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành).

Mục 244, Phụ lục Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ, quy định: “*Các quy hoạch ngành, lĩnh vực tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01/01/2019, gồm: Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; quy hoạch tài nguyên nước; quy hoạch bảo vệ môi trường; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học*”.

Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch đã nêu rõ: “Các quy hoạch nêu tại điểm c, khoản 1, Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/01/2019, trong quá trình thực hiện được điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt”.

- HĐND tỉnh đã ban hành 03 nghị quyết, gồm: (1) Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu

xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; (2) Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 về Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất sét làm gạch ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; (3) Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thường trực HĐND tỉnh đã thống nhất với đề nghị của UBND tỉnh tại Công văn số 349/CV-HĐND ngày 23/12/2014 về Quy hoạch các mỏ đất làm vật liệu đắp đê tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo báo cáo của UBND tỉnh, đến nay, đa số các mỏ trong quy hoạch đã hết hạn, hết trữ lượng; mặt khác, hiện nay trên địa bàn tỉnh có nhiều dự án trọng điểm của quốc gia và của tỉnh đã và đang được triển khai thực hiện, như dự án thành phần Đường cao tốc Bắc - Nam; Tuyến đường bộ ven biển.... Do đó, việc điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày 01/01/2019 là cần thiết.

Vì vậy, HĐND tỉnh quyết nghị thông qua dự án “Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày 01/01/2019” là đúng quy định của pháp luật.

### III. NHẬN XÉT

**1. Về Quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp; dự báo nhu cầu và đề xuất của UBND tỉnh:**

*1.1. Về quy hoạch:* Khoáng sản đất làm vật liệu san lấp chưa lập quy hoạch.

*1.2. Về cấp phép thăm dò, khai thác:* Đã cấp Giấy phép thăm dò hoặc khai thác cho 105 mỏ đất làm vật liệu san lấp, gồm: có 39 mỏ cấp phép khai thác cho dự án, ngắn hạn đã hết hiệu lực và đóng cửa mỏ; có 36 mỏ đã cấp phép khai thác, có khoáng sản đi kèm làm phụ gia xi măng còn hạn (tổng diện tích 367,504 ha; trữ lượng 29,364 triệu m<sup>3</sup>; công suất 1,911 triệu m<sup>3</sup>/năm), có 30 mỏ đã cấp phép thăm dò (tổng diện tích 260,017 ha, trữ lượng 18,07 triệu m<sup>3</sup>). Đến nay, trữ lượng các mỏ đất đã cấp phép giảm nhiều, có mỏ đã gần cạn kiệt, trữ lượng ước tính chỉ còn khoảng 10 triệu m<sup>3</sup>.

*1.3. Về dự báo nhu cầu:* Hiện nay nhu cầu sử dụng đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh khoảng 32,0 triệu m<sup>3</sup> và dự báo: Giai đoạn 2020-2025, nhu cầu khoảng 60,0÷70,0 triệu m<sup>3</sup>; giai đoạn từ 2025-2030, nhu cầu khoảng 60 triệu m<sup>3</sup>. Như vậy, giai đoạn từ 2020-2030 còn thiếu khoảng 92,0 -102,0 triệu m<sup>3</sup>.

*1.4. UBND tỉnh đề xuất về quy hoạch:*

a) Bổ sung quy hoạch 61 mỏ đất san lấp mới (không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, có đủ điều kiện theo quy định) với tổng diện tích 682,64 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 73,27 triệu m<sup>3</sup> vào “*Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025*” đã được HĐND tỉnh

thông qua tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 và điều chỉnh lại tên dự án quy hoạch là: “*Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*”. Các mỏ phân bố trên địa bàn 14 huyện, thị xã (thị xã Nghi Sơn và các huyện: Như Xuân, Như Thanh, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Đông Sơn, Hà Trung, Thường Xuân, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Nông Cống).

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung đề xuất nêu trên.

b) Cập nhật 46 mỏ đất đã cấp phép thăm dò, khai thác, chưa có trong quy hoạch, không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, tổng diện tích 357,03 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 24,06 triệu m<sup>3</sup>, trên địa bàn 10 huyện (gồm: 40 mỏ có khoáng sản làm phụ gia xi măng; 01 mỏ phục vụ sản xuất gạch VICENZA; 03 đất sét đồi làm gạch tuynel và 02 mỏ đất san lấp phục vụ đắp đê biển Nga Sơn-Hậu Lộc).

Đối với 46 mỏ đất này Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thực hiện theo Kết luận số 130/KL-HĐND ngày 29/5/2020 của Thường trực HĐND tỉnh, để lại cập nhật vào quy hoạch tỉnh.

**2. Về Quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường; dự báo nhu cầu và đề xuất của UBND tỉnh:**

2.1. *Về quy hoạch:* Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm VLXD thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017) với Tổng diện tích là 4.647,29 ha, trữ lượng là 601,2 triệu m<sup>3</sup>.

2.2. *Về cấp phép thăm dò, khai thác:* Đến nay có 221 mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép khai thác và đang còn hiệu lực (trong đó, có 133 mỏ có thu hồi đá khối để xẻ) với tổng trữ lượng được phép khai thác khoảng 178,0 triệu m<sup>3</sup>, trữ lượng đã khai thác khoảng 21,0 triệu m<sup>3</sup>, trữ lượng được phép khai thác còn lại khoảng 157,0 triệu m<sup>3</sup>, tổng công suất khai thác khoảng 7,7 triệu m<sup>3</sup>/năm.

2.3. *Về dự báo nhu cầu:* Tổng nhu cầu sử dụng đá khoảng 11,4 triệu m<sup>3</sup>/năm; tổng công suất cấp phép mới đạt 7,7 triệu m<sup>3</sup>/năm. Như vậy, hiện nay sản lượng đá còn thiếu khoảng 3,7 triệu m<sup>3</sup>/năm; ngoài ra còn thiếu sản lượng đá phục vụ các dự án trọng điểm, cho các nhà máy xi măng trên địa bàn tỉnh (nhu cầu sử dụng đá vôi sạch, đá bazan làm phụ gia xi măng khoảng 3,0 triệu tấn/năm nhưng chưa có nguồn cung), Bộ Xây dựng cho phép xuất khẩu đá khối nên nhu cầu đá khối xuất khẩu trong thời gian tới là khá lớn ...

2.4. *UBND tỉnh đề xuất về quy hoạch:*

a) Bổ sung quy hoạch 26 mỏ đá mới, không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, cụ thể: (1) 07 mỏ đá vôi, đá bazan làm phụ gia xi măng của Nhà máy xi măng Long

Sơn; (2) 03 mỏ đá phục vụ công trình đường cao tốc Bắc-Nam; (3) 02 mỏ đá làm nguyên liệu sản xuất gạch men; (4) 03 mỏ đá vôi, đá bazan làm phụ gia xi măng của Nhà máy xi măng Công Thanh; (5) 02 mỏ đá vôi làm phụ gia xi măng của Nhà máy xi măng Đại Dương; (6) 09 mỏ đá vôi nằm xen kẹp tại các khu vực mỏ đã quy hoạch. Các mỏ phân bố trên địa bàn 08 huyện, thị xã (thị xã Nghi Sơn và các huyện: Vĩnh Lộc, Ngọc Lặc, Hà Trung, Thường Xuân, Như Thanh, Bá Thước, Yên Định).

Đồng thời, bổ sung 08 mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ do Bộ tài nguyên và Môi trường phân cấp cho UBND tỉnh quản lý, cấp phép với tổng diện tích 142,41 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 649.351 tấn và 2,72 triệu m<sup>3</sup>. Các khu mỏ trên phân bố trên địa bàn 08 huyện (Bá Thước, Như Xuân, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Quan Sơn, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Quan Hóa).

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung đề xuất nêu trên.

b) Cập nhật 14 mỏ đá đã cấp phép thăm dò, khai thác, chưa có trong quy hoạch, không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, tổng diện tích 67,96 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 20,73 triệu m<sup>3</sup>, trên địa bàn 09 huyện (Ngọc Lặc, Hà Trung, thị xã Nghi Sơn, Bá Thước, Yên Định, Như Xuân, Lang Chánh, Triệu Sơn, Thạch Thành).

Đối với 14 mỏ đá đã cấp phép thăm dò, khai thác nêu trên (08 mỏ đã cấp phép khai thác và 04 mỏ đã cấp phép thăm dò); trong đó:

+ Có 09 mỏ đá với diện tích là 52,9278 ha, trữ lượng là 18.736.404 m<sup>3</sup> đã có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 được Thường trực HĐND tỉnh đồng ý tại văn bản số 221/TTr-HĐND ngày 19/10/2009 (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 176/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 - viết tắt là QH176); tuy nhiên, chưa cập nhật tại Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 - viết tắt là QH572). Các mỏ phân bố trên địa bàn 07 huyện, thị xã (thị xã Nghi Sơn và các huyện: Ngọc Lặc, Bá Thước, Yên Định, Lang Chánh, Triệu Sơn, Cẩm Thủy).

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh bổ sung vào quy hoạch lần này.

+ Có 05 mỏ đá với diện tích 14,8297 ha, trữ lượng là 2.029.073 m<sup>3</sup> chưa có trong QH176 và QH572; vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị thực hiện theo Kết luận số 130/KL-HĐND ngày 29/5/2020 của Thường trực HĐND tỉnh, để lại cập nhật vào quy hoạch tỉnh.

**3. Về Quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường; dự báo nhu cầu và đề xuất của UBND tỉnh:**

3.1. *Về quy hoạch:* Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm VLXD tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2018 (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28/12/2018); trong đó, số lượng mỏ được quy hoạch là 99 mỏ, trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 21,57 triệu m<sup>3</sup> (tại 08 huyện miền núi, trữ lượng và tài nguyên được quy hoạch khoảng 0,988 triệu m<sup>3</sup> - chỉ chiếm 4,5%);

3.2. *Về cấp phép thăm dò, khai thác:* UBND tỉnh đã cấp 44 Giấy phép khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, cụ thể: tổng diện tích đã cấp phép là 370 ha; tổng trữ lượng đã cấp phép là 8,482 triệu m<sup>3</sup>; tổng công suất khai thác là 0,979 triệu m<sup>3</sup>/năm.

3.3. *Về nhu cầu sử dụng:* Chế biến cát nhân tạo (cát nghiền từ đá) hiện nay trên địa bàn tỉnh có 07 đơn vị đã đầu tư dây chuyền sản xuất cát nghiền, với tổng công suất khoảng 0,8 triệu m<sup>3</sup>/năm; do công nghệ đầu tư, nguồn cát nhân tạo tại các dự án này chỉ sử dụng để sản xuất bê tông thương phẩm và bê tông cấu kiện; chưa đầu tư công nghệ sản xuất được cát xây và trát. Tổng công suất cát xây dựng (cát tự nhiên và nhân tạo) được cấp phép và chế biến khoảng 1,78 triệu m<sup>3</sup>/năm. Nhu cầu sử dụng cát làm vật liệu xây dựng hiện nay khoảng 2,8 - 3,0 triệu m<sup>3</sup>/năm; như vậy, sản lượng cát xây dựng còn thiếu khoảng 1,1- 1,3 triệu m<sup>3</sup>/năm (đặc biệt là thiếu nguồn cát xây dựng cho 11 huyện miền núi).

3.4. *UBND tỉnh đề xuất về quy hoạch:* UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch 18 mỏ cát mới làm vật liệu xây dựng thông thường, không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, với tổng diện tích 29,64 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 0,407 triệu. Các mỏ trên được phân bố trên địa bàn 07 huyện (Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát, Ngọc Lặc, Yên Định, Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy).

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề xuất nêu trên của UBND tỉnh.

#### **IV. KIẾN NGHỊ:**

##### **1. Đối với HĐND tỉnh:**

Đề nghị HĐND tỉnh quyết nghị thông qua Nghị quyết về việc thông qua dự án “Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày 01/01/2019” với các nội dung điều chỉnh, bổ sung như sau:

1.1. Đối với Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017:

Bổ sung quy hoạch 61 mỏ đất san lấp mới (không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, có đủ điều kiện theo quy định) với tổng diện tích 682,64 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 73,27 triệu m<sup>3</sup>, trên địa bàn 14 huyện vào “Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025” đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày

12/7/2017 và điều chỉnh lại tên dự án quy hoạch là: “Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Các mỏ phân bố trên địa bàn 14 huyện, thị xã.

**1.2. Đối với Quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường đã được HĐND tỉnh thông qua tại 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016:**

a) Bổ sung quy hoạch 26 mỏ đá mới (không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ), cụ thể: (1) 07 mỏ đá vôi, đá bazan làm phụ gia xi măng của Nhà máy xi măng Long Sơn; (2) 03 mỏ đá phục vụ công trình đường cao tốc Bắc-Nam; (3) 02 mỏ đá làm nguyên liệu sản xuất gạch men; (4) 03 mỏ đá vôi, đá bazan làm phụ gia xi măng của Nhà máy xi măng Công Thanh; (5) 02 mỏ đá vôi làm phụ gia xi măng của Nhà máy xi măng Đại Dương; (6) 09 mỏ đá vôi nằm xen kẹp tại các khu vực mỏ đã quy hoạch. Các mỏ phân bố trên địa bàn 09 huyện, thị xã.

b) Bổ sung 08 mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ do Bộ tài nguyên và Môi trường phân cấp cho UBND tỉnh quản lý, cấp phép với tổng diện tích 142,41 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo là 649.351 tấn và 2,72 triệu m<sup>3</sup>. Các khu mỏ trên phân bố trên địa bàn 08 huyện.

c) Cập nhật 09 mỏ đá đã có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (với diện tích là 52,9278 ha, trữ lượng là 18.736.404 m<sup>3</sup>) được Thường trực HĐND tỉnh đồng ý tại văn bản số 221/TTr-HĐND ngày 19/10/2009 nhưng chưa cập nhật tại Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016. Các mỏ được phân bố trên địa bàn 07 huyện.

**1.3. Đối với Quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2018:**

Bổ sung vào quy hoạch 18 mỏ cát mới làm vật liệu xây dựng thông thường, không nằm dọc Quốc lộ, Tỉnh lộ, với tổng diện tích 29,64 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo 0,407 triệu m<sup>3</sup>. Các mỏ được phân bố trên địa bàn 07 huyện.

## **2. Đối với UBND tỉnh:**

- Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các bước tiếp theo và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng các khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã được phê duyệt quy hoạch trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên. Đồng thời, tổ chức việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản để tạo nguồn thu cho ngân sách.

- Đối với các mỏ đất, mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường đã được

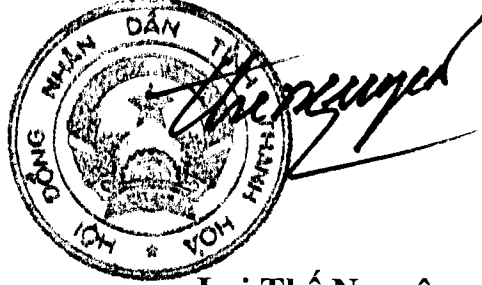
UBND tỉnh cấp phép khai thác, thăm dò (46 mỏ đất và 05 mỏ đá), đề nghị UBND tỉnh thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Kết luận số 130/KL-HĐND ngày 29/5/2020.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Lại Thế Nguyên**